TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2023
V/v "Ly hôn giữa chị H với anh Th"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quốc Sửu;
Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. (có mặt);
Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1974. (có đơn xin vắng mặt);
Nơi đăng ký thường trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
Hiện sinh sống tại: Tổ 1, khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24/02/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức Th kết hôn ngày 15/6/1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn, chị và anh Th có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh Th ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận đến giữa năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bảo ban nhau làm ăn được và vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh Th.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày

28/3/1996, Nguyễn Huy Th1, sinh ngày 19/10/2003, hiện các con đã trên 18 tuổi, đã tự lập được cuộc sống, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trên.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2023, anh Nguyễn Đức Th trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị H về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và cách dạy con, vợ chồng đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày 28/3/1996, Nguyễn Huy Th1, sinh ngày 19/10/2003, hiện các con đã trên 18 tuổi, đã tự lập được cuộc sống, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Th có đơn xin vắng mặt.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, xử:

Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức Th.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị H xin ly hôn với anh Th, anh Th có nơi thường trú tại thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H kết hôn cùng anh Nguyễn Đức Th ngày 15/6/1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nuôi dạy con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh Th. Anh Th cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân, nay anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, có thể thấy vợ chồng chị H, anh Th mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị H xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để cho chị H được ly hôn với anh Th.

[3] Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày 28/3/1996, Nguyễn Huy Th1, sinh ngày 19/10/2003, hiện các con đã trên 18 tuổi, đã tự lập được cuộc sống, chị H, anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H, anh Th không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức Th.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã

nộp theo biên lai thu số 0004803 ngày 03/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyệnT;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy